BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048
Mã lớp học phần: MH110404802 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh - (04090)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như	**Bình**	01/08/2002		8,5	Tám năm	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh	**Châu**	30/07/2002		10	Mười Không	C22QT4	
3	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	23/07/2002		9,0	Chín Không	C22QT4	
4	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	01/02/2002		10	Mười Không	C22QT4	
5	2010100122	Võ Lê Ngọc	**Duyên**	23/02/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
6	2010100129	Lâm Thùy	**Dương**	17/08/2002		10	Mười Không	C22QT4	
7	2010100111	Võ Thị Thùy	**Dương**	10/10/2002		9,0	Chín Không	C22QT4	
8	2010100119	Trần Nguyễn Phương	**Đào**	06/05/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
9	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ	**Hạnh**	27/02/2001		8,0	Tám Không	C22QT4	
10	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	20/05/2002		10	Mười Không	C22QT4	
11	2010100115	Phạm Ngọc	**Lâm**	08/06/2002		8,5	Tám năm	C22QT4	
12	2010100125	Nguyễn Thị Nhã	**Linh**	16/06/2002		10	Mười Không	C22QT4	
13	2010100136	Phạm Hoàng Duy	**Linh**	17/11/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
14	2010100121	Nguyễn Ngọc	**Long**	14/10/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
15	2010100123	Từ Lâm Yến	**Mi**	06/07/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
16	2010100135	Huỳnh Thanh	**Nga**	15/08/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
17	2010100114	Đào Ngọc Kim	**Ngân**	04/03/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
18	2010100117	Đoàn Thị Mỹ	**Nhàn**	13/06/2002		10	Mười Không	C22QT4	
19	2010100113	Quách Minh	**Phi**	10/05/2002		10	Mười Không	C22QT4	
20	2010100107	Đào Võ Xuân	**Quang**	12/02/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
21	2010100130		**Sakyna**	22/12/2002		10	Mười Không	C22QT4	
22	2010100137	Phan Hữu	**Tài**	30/10/2002		7,5	Bảy năm	C22QT4	
23	2010100118	Lê Huỳnh Thu	**Thảo**	12/12/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
24	2010100133	Trần Quốc	**Thắng**	03/10/2002		10	Mười Không	C22QT4	
25	2010100110	Trương Minh	**Thiện**	22/11/2002		10	Mười Không	C22QT4	
26	2010100109	Lưu Thảo	**Trang**	10/11/2000		9,5	Chín năm	C22QT4	
27	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc	**Trang**	06/05/2001		9,5	Chín năm	C22QT4	
28	2010100126	Trần Thu	**Trang**	27/12/2002		10	Mười Không	C22QT4	
29	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế	**Trân**	27/07/2002		9,0	Chín Không	C22QT4	
30	2010100127	Đặng Văn	**Truyền**	27/01/2002		9,0	Chín Không	C22QT4	
31	2010100132	Nguyễn Thanh	**Tuyết**	26/11/2002		10	Mười Không	C22QT4	
32	2010100120	Hồ Văn	**Văn**	07/07/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Ngày in: 09:05 20/09/2022

Tổng số sinh viên dự thi : 32 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 32 /

Số sinh viên đạt/không đạt: / **Tỷ lệ đạt:** , %

Ngày 25 *tháng* 9 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 *tháng* 9 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TR

K

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: MH110404802 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh - (04090)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như	**Bình**	01/08/2002		7,0	Bảy Không	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh	**Châu**	30/07/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
3	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	23/07/2002		7,5	Bảy năm	C22QT4	
4	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	01/02/2002		9,0	Chín Không	C22QT4	
5	2010100122	Võ Lê Ngọc	**Duyên**	23/02/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
6	2010100129	Lâm Thùy	**Dương**	17/08/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
7	2010100111	Võ Thị Thùy	**Dương**	10/10/2002		7,5	Bảy năm	C22QT4	
8	2010100119	Trần Nguyễn Phương	**Đào**	06/05/2002		7,5	Bảy năm	C22QT4	
9	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ	**Hạnh**	27/02/2001		7,5	Bảy năm	C22QT4	
10	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	20/05/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
11	2010100115	Phạm Ngọc	**Lâm**	08/06/2002		7,0	Bảy Không	C22QT4	
12	2010100125	Nguyễn Thị Nhả	**Linh**	16/06/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
13	2010100136	Phạm Hoàng Duy	**Linh**	17/11/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
14	2010100121	Nguyễn Ngọc	**Long**	14/10/2002		7,0	Bảy Không	C22QT4	
15	2010100123	Từ Lâm Yến	**Mi**	06/07/2002		7,0	Bảy Không	C22QT4	
16	2010100135	Huỳnh Thanh	**Nga**	15/08/2002		8,5	Tám năm	C22QT4	
17	2010100114	Đào Ngọc Kim	**Ngân**	04/03/2002		10	Mười Không	C22QT4	
18	2010100117	Đoàn Thị Mỹ	**Nhàn**	13/06/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
19	2010100113	Quách Minh	**Phi**	10/05/2002		8,5	Tám năm	C22QT4	
20	2010100107	Đào Võ Xuân	**Quang**	12/02/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
21	2010100130		**Sakyna**	22/12/2002		9,0	Chín Không	C22QT4	
22	2010100137	Phan Hữu	**Tài**	30/10/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
23	2010100118	Lê Huỳnh Thu	**Thảo**	12/12/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
24	2010100133	Trần Quốc	**Thắng**	03/10/2002		9,5	Chín năm	C22QT4	
25	2010100110	Trương Minh	**Thiện**	22/11/2002		8,5	Tám năm	C22QT4	
26	2010100109	Lưu Thảo	**Trang**	10/11/2000		8,5	Tám năm	C22QT4	
27	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc	**Trang**	06/05/2001		8,0	Tám Không	C22QT4	
28	2010100126	Trần Thu	**Trang**	27/12/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
29	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế	**Trân**	27/07/2002		7,5	Bảy năm	C22QT4	
30	2010100127	Đặng Văn	**Truyền**	27/01/2002		8,0	Tám Không	C22QT4	
31	2010100132	Nguyễn Thanh	**Tuyết**	26/11/2002		9,0	Chín Không	C22QT4	
32	2010100120	Hồ Văn	**Văn**	07/07/2002		7,5	Bảy năm	C22QT4	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Ngày in: 09:06 20/09/2022

Tổng số sinh viên dự thi : 82 vắng thi: _____. Số bài thi: 82 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 0 /_____ Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 25 tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 21 tháng 9 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜ

KHẢ

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: MH110404802 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh - (04090)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100150	Mai Bảo	**Châu**	15/10/2002		8,5	Tám năm	C22QT5	
2	2010120001	Võ Thị Thu	**Hà**	10/12/1995		8,5	Tám năm	C22QT5	
3	2010100151	Bùi Thị Bích	**Hạ**	09/12/2002		8,5	Tám năm	C22QT5	
4	2010100154	Nguyễn Thuỵ Ngọc	**Hiền**	29/08/2002		9,0	Chín không	C22QT5	
5	2010100146	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	19/10/2002		9,0	Chín không	C22QT5	
6	2010100158	Trần Thị Kiều	**Oanh**	24/10/2001		9,0	Chín không	C22QT5	
7	2010100141	Nguyễn Trí	**Thanh**	11/04/2001		10,0	Mười không	C22QT5	
8	2010130025	Châu Thanh	**Thảo**	26/07/2002		8,5	Tám năm	C22QT5	
9	2010100153	Hồ Đỗ Trung	**Thảo**	15/09/2001		9,0	Chín không	C22QT5	
10	2010100155	Nguyễn Thuận	**Thảo**	26/12/1993		10,0	Mười không	C22QT5	
11	2010100161	Phạm Thị Thu	**Thảo**	11/02/2002		9,0	Chín không	C22QT5	
12	2010100160	Tô Loan	**Thảo**	18/04/2002		9,5	Chín năm	C22QT5	
13	2010100162	Phạm Thị Hồng	**Thắm**	02/10/2002		9,5	Chín năm	C22QT5	
14	2010100157	Võ Hồng	**Thắm**	09/03/2002		8,5	Tám năm	C22QT5	
15	2010100140	Trần Ngọc Thuý	**Vi**	24/09/2001		9,5	Chín năm	C22QT5	
16	2010100156	Cao Nguyễn Phương	**Vy**	06/09/2002		8,5	Tám năm	C22QT5	
17	2010100112	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	27/02/2002		9,0	Chín không	C22QT5	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 17 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 17 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 0 /_____ **Tỷ lệ đạt:** 100,___**%**

Ngày 25 tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 9 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thiện Thông Minh

Ngày in: 09:08 20/09/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: MH110404802 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh - (04090)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100150	Mai Bảo	**Châu**	15/10/2002		8,0	Tám không	C22QT5	
2	2010120001	Võ Thị Thu	**Hà**	10/12/1995		8,5	Tám năm	C22QT5	
3	2010100151	Bùi Thị Bích	**Hạ**	09/12/2002		7,0	Bảy không	C22QT5	
4	2010100154	Nguyễn Thuỵ Ngọc	**Hiền**	29/08/2002		8,5	Tám năm	C22QT5	
5	2010100146	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	19/10/2002		9,5	Chín năm	C22QT5	
6	2010100158	Trần Thị Kiều	**Oanh**	24/10/2001		7,0	Bảy không	C22QT5	
7	2010100141	Nguyễn Trí	**Thanh**	11/04/2001		8,0	Tám không	C22QT5	
8	2010130025	Châu Thanh	**Thảo**	26/07/2002		7,0	Bảy không	C22QT5	
9	2010100153	Hồ Đỗ Trung	**Thảo**	15/09/2001		7,5	Bảy năm	C22QT5	
10	2010100155	Nguyễn Thuận	**Thảo**	26/12/1993		9,5	Chín năm	C22QT5	
11	2010100161	Phạm Thị Thu	**Thảo**	11/02/2002		9,0	Chín không	C22QT5	
12	2010100160	Tô Loan	**Thảo**	18/04/2002		9,0	Chín không	C22QT5	
13	2010100162	Phạm Thị Hồng	**Thắm**	02/10/2002		7,5	Bảy năm	C22QT5	
14	2010100157	Võ Hồng	**Thắm**	09/03/2002		7,0	Bảy không	C22QT5	
15	2010100140	Trần Ngọc Thuý	**Vi**	24/09/2001		7,5	Bảy năm	C22QT5	
16	2010100156	Cao Nguyễn Phương	**Vy**	06/09/2002		8,0	Tám không	C22QT5	
17	2010100112	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	27/02/2002		7,0	Bảy không	C22QT5	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 17 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 17 /_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 0 /_____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **,** ____ **%**

Ngày 25 *tháng* 9 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thiện Thông Minh

Ngày 25 *tháng* 9 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thiện Thông Minh

Ngày in: 09:09 20/09/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: MH110404802 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh - (04090)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc	**Điệp**	29/05/2002		10,0	Mười không	C22QT6	
2	2010100192	Đoàn Thị	**Hoài**	15/06/2002		9,0	Chín không	C22QT6	
3	2010100187	Nguyễn Võ Tấn	**Luận**	03/06/2002		8,5	Tám năm	C22QT6	
4	2010100185	Đỗ Tuyết	**Minh**	04/07/2002		9,5	Chín năm	C22QT6	
5	2010100167	Nguyễn Đức	**Minh**	08/11/2002	Minh	9,0	Chín không	C22QT6	
6	2010010048	Nguyễn Trần Trọng	**Nghĩa**	15/07/2002		8,5	Tám năm	C22QT6	
7	2010100171	Trần Cao Ngọc	**Nhi**	20/09/2002	Nhi	8,5	Tám năm	C22QT6	
8	2010010042	Đinh Chấn	**Phong**	08/09/2002		9,0	Chín không	C22QT6	
9	2010100166	Nguyễn Thị Thanh	**Phương**	15/10/2002		9,0	Chín không	C22QT6	
10	2010100189	Nguyễn Đình	**Quốc**	14/08/1999		8,0	Tám không	C22QT6	
11	2010100169	Bùi Ngọc	**Quyên**	06/12/2002		9,5	Chín năm	C22QT6	
12	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc	**Sang**	12/01/2002		9,0	Chín không	C22QT6	
13	2010100170	Lê Văn	**Tâm**	07/08/2002		9,0	Chín không	C22QT6	
14	2010100181	Lê Minh	**Tân**	06/09/2002		8,5	Tám năm	C22QT6	
15	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy	**Tiên**	16/12/2002		9,0	Chín không	C22QT6	
16	2010100186	Tạ Thiên	**Triều**	27/11/2002		10,0	Mười không	C22QT6	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 16 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 16 / 16 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 0 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 25 *tháng* 9 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thiện Thông Minh

Ngày 25 *tháng* 9 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thiện Thông Minh

2010100187 Lê Bình Minh 8,0

2010100186 Nguyễn Thị Ngọc Triều 5,0

Ngày in: 09:13 20/09/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: MH110404802 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh - (04090)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc	**Điệp**	29/05/2002		9,5	Chín năm	C22QT6	
2	2010100192	Đoàn Thị	**Hoài**	15/06/2002		7,0	Bảy không	C22QT6	
3	2010100187	Nguyễn Võ Tấn	**Luận**	03/06/2002		7,5	Bảy năm	C22QT6	
4	2010100185	Đỗ Tuyết	**Minh**	04/07/2002		9,0	Chín không	C22QT6	
5	2010100167	Nguyễn Đức	**Minh**	08/11/2002	Minh	7,5	Bảy năm	C22QT6	
6	2010010048	Nguyễn Trần Trọng	**Nghĩa**	15/07/2002		7,5	Bảy năm	C22QT6	
7	2010100171	Trần Cao Ngọc	**Nhi**	20/09/2002	Nhi	8,0	Tám không	C22QT6	
8	2010010042	Đinh Chấn	**Phong**	08/09/2002		7,5	Bảy năm	C22QT6	
9	2010100166	Nguyễn Thị Thanh	**Phương**	15/10/2002		8,0	Tám không	C22QT6	
10	2010100189	Nguyễn Đình	**Quốc**	14/08/1999		8,5	Tám năm	C22QT6	
11	2010100169	Bùi Ngọc	**Quyên**	06/12/2002	Quyen	7,5	Bảy năm	C22QT6	
12	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc	**Sang**	12/01/2002	Sang	8,5	Tám năm	C22QT6	
13	2010100170	Lê Văn	**Tâm**	07/08/2002		7,0	Bảy không	C22QT6	
14	2010100181	Lê Minh	**Tân**	06/09/2002		7,5	Bảy năm	C22QT6	
15	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy	**Tiên**	16/12/2002		7,5	Bảy năm	C22QT6	
16	2010100186	Tạ Thiên	**Triều**	27/11/2002		8,5	Tám năm	C22QT6	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 16 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 16 / 16 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 0 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100,___ **%**

Ngày 25 *tháng* 9 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thiện Thông Minh

Ngày 25 *tháng* 9 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thiện Thông Minh

2010100192 Lê Bùi Minh 9,0

2010100186 Nguyễn Thị Ngọc Triều 8,5

Ngày in: 09:14 20/09/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048
Mã lớp học phần: MH110404802 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh
Ngày thi: 15/11/2022 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: Phan Thanh Tường Ký tên:
Giám thị 2: Lê Trung Sơn Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:_____
Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130025	Châu Thanh	**Thảo**	26/07/2002					C22QT5	
2	2010100153	Hồ Đỗ Trung	**Thảo**	15/09/2001					C22QT5	
3	2010100118	Lê Huỳnh Thu	**Thảo**	12/12/2002					C22QT4	
4	2010100155	Nguyễn Thuận	**Thảo**	26/12/1993					C22QT5	
5	2010100161	Phạm Thị Thu	**Thảo**	11/02/2002					C22QT5	
6	2010100160	Tô Loan	**Thảo**	18/04/2002					C22QT5	
7	2010100162	Phạm Thị Hồng	**Thắm**	02/10/2002					C22QT5	
8	2010100157	Võ Hồng	**Thắm**	09/03/2002					C22QT5	
9	2010100133	Trần Quốc	**Thắng**	03/10/2002					C22QT4	
10	2010100110	Trương Minh	**Thiện**	22/11/2002					C22QT4	
11	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy	**Tiên**	16/12/2002					C22QT6	
12	2010100109	Lưu Thảo	**Trang**	10/11/2000					C22QT4	
13	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc	**Trang**	06/05/2001					C22QT4	
14	2010100126	Trần Thu	**Trang**	27/12/2002					C22QT4	
15	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế	**Trân**	27/07/2002					C22QT4	
16	2010100186	Tạ Thiên	**Triều**	27/11/2002					C22QT6	
17	2010100127	Đặng Văn	**Truyền**	27/01/2002					C22QT4	
18	2010100132	Nguyễn Thanh	**Tuyết**	26/11/2002					C22QT4	
19	2010100120	Hồ Văn	**Văn**	07/07/2002					C22QT4	
20	2010100140	Trần Ngọc Thuý	**Vi**	24/09/2001					C22QT5	
21	2010100156	Cao Nguyễn Phương	**Vy**	06/09/2002					C22QT5	
22	2010100112	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	27/02/2002					C22QT5	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21+1 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:**_____/_____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____%

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)
Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)
Hồ Thiện Thông Minh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Hành vi tổ chức
Mã bài thi: 41FHWE
Thời gian thi: 15/11/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 15/11/2022 10:30:00

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002		8	Tám	C22QT5	
2	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002		9	Chín	C22QT4	
3	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002		8.8	Tám, tám	C22QT4	
4	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002		7.8	Bảy, tám	C22QT5	
5	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002		6.6	Sáu, sáu	C22QT5	
6	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002		7.6	Bảy, sáu	C22QT6	
7	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002		6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
8	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001		5.2	Năm, hai	C22QT4	
9	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002		7.4	Bảy, bốn	C22QT4	
10	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002		8.4	Tám, bốn	C22QT4	
11	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002		5.8	Năm, tám	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 11 **Số sinh viên đạt: 11**

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Hành vi tổ chức
Mã bài thi: SSL43R
Thời gian thi: 15/11/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 15/11/2022 10:30:00

Giám thị 1: T V Long Ký tên:
Giám thị 2: T T N Thu Ký tên:
Giám thị 3: N T Dung Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002		9	Chín	C22QT5	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	29/05/2002		9.2	Chín, hai	C22QT6	
3	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002		8.2	Tám, hai	C22QT4	
4	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002		8.4	Tám, bốn	C22QT4	
5	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002		9.2	Chín, hai	C22QT4	
6	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002		8.6	Tám, sáu	C22QT5	
7	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002		7	Bảy	C22QT5	
8	2010100125	Nguyễn Thị Nhả Linh	16/06/2002		7.8	Bảy, tám	C22QT4	
9	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002		6	Sáu	C22QT4	
10	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002		7.8	Bảy, tám	C22QT6	
11	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002		7.2	Bảy, hai	C22QT4	
12	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002		7.2	Bảy, hai	C22QT5	
13	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001		9.2	Chín, hai	C22QT5	
14	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002		7.4	Bảy, bốn	C22QT6	
15	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002		8.6	Tám, sáu	C22QT4	
16	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002		7.6	Bảy, sáu	C22QT5	
17	2010100130	Sakyna	22/12/2002		8	Tám	C22QT4	
18	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002		8.6	Tám, sáu	C22QT6	
19	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002		8	Tám	C22QT5	
20	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001		8	Tám	C22QT5	

Lưu ý:
- *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- *Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.*

Số sinh viên dự thi: 20 **Số sinh viên đạt: 20**

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048
Mã lớp học phần: MH110404802 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Hồ Thiện Thông Minh
Ngày thi: 15/11/2022 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 3**

Giám thị 1: Trần Văn Long Ký tên:
Giám thị 2: Trương T. Ngọc Thu Ký tên:
Giám thị 3: Nguyễn Tiến Dũng Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như	**Bình**	01/08/2002					C22QT4	
2	2010100150	Mai Bảo	**Châu**	15/10/2002					C22QT5	
3	2010100138	Nguyễn Thị Minh	**Châu**	30/07/2002					C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	23/07/2002					C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ	**Duyên**	01/02/2002					C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc	**Duyên**	23/02/2002					C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy	**Dương**	17/08/2002					C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy	**Dương**	10/10/2002					C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương	**Đào**	06/05/2002					C22QT4	
10	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc	**Điệp**	29/05/2002					C22QT6	
11	2010120001	Võ Thị Thu	**Hà**	10/12/1995					C22QT5	
12	2010100151	Bùi Thị Bích	**Hạ**	09/12/2002					C22QT5	
13	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ	**Hạnh**	27/02/2001					C22QT4	
14	2010100154	Nguyễn Thuy Ngọc	**Hiền**	29/08/2002					C22QT5	
15	2010100192	Đoàn Thị	**Hoài**	15/06/2002					C22QT6	
16	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	20/05/2002					C22QT4	
17	2010100146	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	19/10/2002					C22QT5	
18	2010100115	Phạm Ngọc	**Lâm**	08/06/2002					C22QT4	
19	2010100125	Nguyễn Thị Nhả	**Linh**	16/06/2002					C22QT4	
20	2010100136	Phạm Hoàng Duy	**Linh**	17/11/2002					C22QT4	
21	2010100121	Nguyễn Ngọc	**Long**	14/10/2002					C22QT4	
22	2010100187	Nguyễn Võ Tấn	**Luận**	03/06/2002					C22QT6	
23	2010100123	Từ Lâm Yến	**Mi**	06/07/2002					C22QT4	
24	2010100185	Đỗ Tuyết	**Minh**	04/07/2002					C22QT6	
25	2010100167	Nguyễn Đức	**Minh**	08/11/2002					C22QT6	
26	2010100135	Huỳnh Thanh	**Nga**	15/08/2002					C22QT4	
27	2010100114	Đào Ngọc Kim	**Ngân**	04/03/2002					C22QT4	
28	2010010048	Nguyễn Trần Trọng	**Nghĩa**	15/07/2002					C22QT6	
29	2010100117	Đoàn Thị Mỹ	**Nhàn**	13/06/2002					C22QT4	
30	2010100171	Trần Cao Ngọc	**Nhi**	20/09/2002					C22QT6	
31	2010100158	Trần Thị Kiều	**Oanh**	24/10/2001					C22QT5	
32	2010100113	Quách Minh	**Phi**	10/05/2002					C22QT4	
33	2010010042	Đinh Chấn	**Phong**	08/09/2002					C22QT6	
34	2010100166	Nguyễn Thị Thanh	**Phương**	15/10/2002					C22QT6	
35	2010100107	Đào Võ Xuân	**Quang**	12/02/2002					C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2010100189	Nguyễn Đình	**Quốc**	14/08/1999					C22QT6	
37	2010100169	Bùi Ngọc	**Quyên**	06/12/2002					C22QT6	
38	2010100130		**Sakyna**	22/12/2002					C22QT4	
39	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc	**Sang**	12/01/2002					C22QT6	
40	2010100137	Phan Hữu	**Tài**	30/10/2002					C22QT4	
41	2010100170	Lê Văn	**Tâm**	07/08/2002					C22QT6	
42	2010100181	Lê Minh	**Tân**	06/09/2002					C22QT6	
43	2010100141	Nguyễn Trí	**Thanh**	11/04/2001					C22QT5	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 43 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 43 / _____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____%

Ngày 17 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ
P
KHẢO TH

Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 17 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Hành vi tổ chức
Mã bài thi: WO1NK1
Thời gian thi: 15/11/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 15/11/2022 10:30:00

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002		6.8	Sáu, tám	C22QT5	
2	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002		8.4	Tám, bốn	C22QT5	
3	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001		6	Sáu	C22QT5	
4	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993		9.2	Chín, hai	C22QT5	
5	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002		7.8	Bảy, tám	C22QT4	
6	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002		8.4	Tám, bốn	C22QT4	
7	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000		6.6	Sáu, sáu	C22QT4	
8	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002		8.8	Tám, tám	C22QT6	
9	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002		6.2	Sáu, hai	C22QT4	
10	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001		8.4	Tám, bốn	C22QT5	
11	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyến	27/02/2002		6.2	Sáu, hai	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 11 **Số sinh viên đạt: 11**

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Hành vi tổ chức
Mã bài thi: 2TOF5F
Thời gian thi: 15/11/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 15/11/2022 10:30:00

Giám thị 1: Trần V Long Ký tên:
Giám thị 2: Trg T N Thảo Ký tên:
Giám thị 3: Ng T. Dũng Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002		8.4	Tám, bốn	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002		9.2	Chín, hai	C22QT4	
3	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002		7.6	Bảy, sáu	C22QT4	
4	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002		8.8	Tám, tám	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002		8.6	Tám, sáu	C22QT4	
6	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995		7.6	Bảy, sáu	C22QT5	
7	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002		9.4	Chín, bốn	C22QT5	
8	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001		5.6	Năm, sáu	C22QT4	
9	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002		8.6	Tám, sáu	C22QT6	
10	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002		7.6	Bảy, sáu	C22QT4	
11	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002		7	Bảy	C22QT4	
12	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002		6.6	Sáu, sáu	C22QT4	
13	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002		6.6	Sáu, sáu	C22QT6	
14	2010100123	Từ Lâm Yến Mi	06/07/2002		7.8	Bảy, tám	C22QT4	
15	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002		7.2	Bảy, hai	C22QT5	
16	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002		7.2	Bảy, hai	C22QT4	
17	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002		7	Bảy	C22QT6	
18	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhàn	13/06/2002		8.4	Tám, bốn	C22QT4	
19	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002		6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
20	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002		7.8	Bảy, tám	C22QT5	
21	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999		8.6	Tám, sáu	C22QT6	
22	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002		7.6	Bảy, sáu	C22QT4	
23	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002		7.8	Bảy, tám	C22QT6	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 23 **Số sinh viên đạt: 23**

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 17 tháng 11 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Thiện Thông Minh